

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm
giai đoạn 2021-2025 của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn
và hàng năm giai đoạn 2021-2025 của ngân sách cấp tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 32**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

*Căn cứ Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh
Quảng Trị năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy
định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh
vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /6/2025 của UBND tỉnh về việc
điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm giai đoạn 2021-2025
của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm giai đoạn
2021-2025 của ngân sách cấp tỉnh; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm giai
đoạn 2021-2025 của cấp huyện vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng
năm giai đoạn 2021-2025 của ngân sách cấp tỉnh, cụ thể:

- Tổng nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, chi
tiết danh mục Kế hoạch đầu tư công năm 2025, chi tiết danh mục Kế hoạch đầu
tư công năm 2024 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm
2025 của cấp huyện đã được giao vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021 - 2025 ngân sách cấp tỉnh đối với nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối
theo tiêu chí;

- Tổng nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, chi
tiết danh mục Kế hoạch đầu tư công năm 2025, chi tiết danh mục Kế hoạch đầu

tư công năm 2024 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 của cấp huyện đã được giao vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 ngân sách cấp tỉnh đối với nguồn vốn sử dụng đất;

- Chi tiết danh mục Kế hoạch đầu tư công năm 2025 và vượt thu xỏ số kiến thiết năm 2024 đối với các nhiệm vụ được tỉnh cân đối hỗ trợ huyện (Đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Hỗ trợ 09 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Hỗ trợ các huyện đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Hỗ trợ các huyện Xây dựng phòng ở công vụ cho giáo viên vùng khó).

(Chi tiết như 03 hệ thống phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc giao chi tiết, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; chủ động xử lý các vấn đề cấp bách, quan trọng phát sinh từ thực tiễn trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đối với kế hoạch tại Điều 1 Nghị quyết này theo quy định tại mục b, khoản 4 Điều 7 Nghị định 125/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng trị, Khóa VIII, Kỳ họp thứ 32 thông qua ngày tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực XI;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

BIỂU SỐ I
TỔNG HỢP NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
 (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

TT	Đơn vị	Kế hoạch 2021-2025 HĐND tỉnh giao								Kế hoạch 2021-2025 cấp huyện giao	Kế hoạch 2021-2024 cấp huyện phân bổ	Kế hoạch 2025 cấp huyện giao		KH 2024 cấp huyện kéo dài sang 2025		Ghi chú
		Giao đầu kỳ	Phân bổ hàng năm	Trong đó					Số vốn			Số dự án, nhiệm vụ	Số vốn	Số dự án, nhiệm vụ		
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025								
	TỔNG CỘNG	392.792	362.186	45.716	86.075	90.183	62.900	77.312	392.792	284.874	77.312	135	10.206,479	17		
1	Thành phố Đông Hà	32.187	29.678	3.746	7.053	7.390	5.154	6.335	32.187	23.343	6.335	1	-	-	Chi tiết danh mục như biểu số I.1	
2	Thị xã Quảng Trị	27.501	25.359	3.202	6.026	6.314	4.404	5.413	27.501	19.946	5.413	11	-	-	Chi tiết danh mục như biểu số I.2	
3	Huyện Vĩnh Linh	44.287	40.837	5.154	9.706	10.168	7.092	8.717	44.287	32.120	8.717	38	3.875,484	4	Chi tiết danh mục như biểu số I.3	
4	Huyện Gio Linh	43.477	40.088	5.060	9.527	9.982	6.962	8.557	43.477	31.531	8.557	6	112,034	6	Chi tiết danh mục như biểu số I.4	
5	Huyện Hải Lăng	41.684	38.435	4.851	9.134	9.570	6.675	8.205	41.684	30.230	8.205	25	-	-	Chi tiết danh mục như biểu số I.5	
6	Huyện Triệu Phong	43.262	39.893	5.035	9.480	9.934	6.929	8.515	43.262	31.378	8.515	12	390,000	1	Chi tiết danh mục như biểu số I.6	
7	Huyện Hướng Hóa	56.310	51.923	6.555	12.340	12.928	9.017	11.083	56.310	40.840	11.083	20	308,989	2	Chi tiết danh mục như biểu số I.7	
8	Huyện Đakrông	48.156	44.403	5.605	10.553	11.056	7.711	9.478	48.156	34.925	9.478	10	5.519,972	4	Chi tiết danh mục như biểu số I.8	
9	Huyện Cam Lộ	37.275	34.370	4.338	8.168	8.558	5.969	7.337	37.275	27.033	7.337	10	-	-	Chi tiết danh mục như biểu số I.9	
10	Huyện đảo Cồn Cỏ	18.653	17.200	2.170	4.088	4.283	2.987	3.672	18.653	13.528	3.672	2	-	-	Chi tiết danh mục như biểu số I.10	

ĐVT: triệu đồng

ĐVT: triệu đồng

THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án				Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư							
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối						
	TỔNG CỘNG		227.000	227.000	23.343	32.187	6.335	-		
	Dự án hoàn thành năm 2025									
1	Trung tâm hành chính thành phố Đông Hà	622/QĐ-UBND 11/3/2025	227.000	227.000	23.343	32.187	6.335	-	Hoàn thành quyết toán trước khi sắp xếp	

Đơn vị tính: Triệu đồng

THỊ XÃ QUẢNG TRỊ

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP CẤP HUYỆN QUẢNG LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư							
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối						
	TỔNG CỘNG		72.369	58.669	11.111	5.698	5.413			
1	Trường TH&THCS Lương Thế Vinh, HM: Nhà học bộ môn và Nhà đa năng	1314/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	6.400	2.400	700			700		Hoàn thành
2	Trường THCS Thành Cổ, thị xã Quảng Trị, hạng mục: Phòng tổ chuyên môn và Hội trường	987/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	3.700	1.000	300			300		Hoàn thành
3	Trường tiểu học Trần Quốc Toản, hạng mục: Xây mới dãy nhà học 3 tầng	986/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	9.600	5.600	1.751			1.751		Hoàn thành
4	Trung tâm hành chính thị xã (GD 1); Hạng mục: Nhà làm việc 5 tầng	1407/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	24.511	24.511	1.982	1.300		682		Dừng kỹ thuật
5	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; Hạng mục: Phòng học chức năng, Nhà hiệu bộ	523/QĐ-UBND ngày 20/05/2022	9.600	6.600	650			650		Hoàn thành
6	Hệ thống thu gom nước thải thị xã Quảng Trị - Tuyến cấp 2	269/QĐ-UBND ngày 30/03/2022	12.000	12.000	495			495		Hoàn thành sau năm 2025
7	Bê tông giai thông nội phường		2.500	2.500	1.746	1.671				

Đơn vị tính: Triệu đồng

[illegible]

HUYỆN VINH LINH

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÈO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
	TỔNG CỘNG		117.666	20.976	26.577	8.717	3.875,484		
1	Cầu Trạm xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	5005/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	4.500	150	150	150		Hoàn thành	
2	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Khoa chuẩn đoán hình ảnh, Khoa truyền nhiễm	4498/QĐ-UBND ngày 26/10/2021	18.605	150	150	150		Hoàn thành	
3	Đường bê tông nối trục đường Ả Rập, thị trấn Bến Quan	4126/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.013	181	181			Hoàn thành	
4	Đường bê tông khóm 4 giao đường Ả Rập, thị trấn Bến Quan	4128/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	807	159	159			Hoàn thành	
5	Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, thị trấn Hồ Xá. HM: Thay nền, chống thấm mái và quét vôi màu nhà 2 tầng, 8 phòng học	4115/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	550	110	110			Hoàn thành	
6	Bê tông hóa các trục đường liên thôn xã Vĩnh Hòa	2201/QĐ-UBND 10/8/2023	988	188	188			Hoàn thành	

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: cấp huyện cân đối					
			Tổng số							
7	Đường bê tông xóm Hữu Nghị thuộc khóm 3, thị trấn Bến Quan	4127/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	500	100	100	-	100			Hoàn thành
8	Đường Trung Nam huyện Vĩnh Linh	5007/QĐ-UBND 31/12/2023	4.000	200	200	-	200			Hoàn thành
9	Trường Tiểu học xã Hiền Thành, huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Xây dựng nhà 3 phòng học	286/QĐ-UBND ngày 01/02/2024	1.900	150	150	-	150			Hoàn thành
10	Trường trung học cơ sở Nguyễn Trãi, huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Nhà 2 tầng, 8 phòng học bộ môn	118/NQ-HĐND ngày 12/6/2020	5.800	150	150	-	150			Hoàn thành
11	Công trình cấp nước tập trung xã Vĩnh Thủy	4116/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	3.325	568	568	-	568			Hoàn thành
12	Công trình cấp nước tập trung tại xóm 6, thôn Mít, xã Vĩnh Ô	4117/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	900	180	180	-	180			Hoàn thành
13	Công trình cấp nước tập trung tại xóm 8, thôn Mít, xã Vĩnh Ô	4119/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	900	180	180	-	180			Hoàn thành
14	Đường giao thông nông thôn thôn Di Loan, xã Vĩnh Giang	4122/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.000	200	200	-	200			Hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư							
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối						
15	Xây mới nhà văn hóa thôn Tứ Chính, xã Vĩnh Tú	4123/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.700	300	300	-	300			Hoàn thành
16	Nhà văn hóa nhóm 3 thị trấn Bến Quan	4124/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.700	250	250	-	250			Hoàn thành
17	Nhà văn hóa nhóm 2 thị trấn Bến Quan	4125/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	2.200	150	150	-	150			Hoàn thành
18	Đường bê tông vào xóm 5, thị trấn Bến Quan	4129/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	750	150	150	-	150			Hoàn thành
19	Xây mới nhà văn hóa khu phố An Du Đông 1, thị trấn Cửa Tùng	4130/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.500	240	240	-	240			Hoàn thành
20	Nhà Văn hóa An Đức 3, thị trấn Cửa Tùng	4131/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	900	140	140	-	140			Hoàn thành
21	Nâng cấp đường giao thông hai bên chợ Do thị trấn Cửa tùng	4132/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	2.000	400	400	-	400			Hoàn thành
22	Trường THCS Lê Quý Đôn, thị trấn Hồ Xá. HM: 01 phòng thư viện, 01 phòng truyền thống	4133/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	1.350	200	200	-	200			Hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
23	Trường mầm non Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh; HM: Xây mới bếp ăn bán trú, sân chơi Bàn 8	4106/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	700	45	45	-	45		Hoàn thành
24	Trường PTDTBT tiểu học xã Vĩnh Ô. HM: Sân tập học sinh	4107/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	800	160	160	-	160		Hoàn thành
25	Trường Mầm non Hiền Thành, xã Hiền Thành. HM: Cải tạo nhà 2 phòng học và rạp ăn, xây nhà xe (cụm Liêm Công Đông); Sơn dây phòng học (cụm Tân An).	4108/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	400	80	80	-	80		Hoàn thành
26	Trường Mầm non Cửa Tùng. HM: Cải tạo sân khấu ngoài trời	4110/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	300	60	60	-	60		Hoàn thành
27	Trường tiểu học Kim Đồng, thị trấn Hồ Xá. HM: Sân khấu ngoài trời	4114/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	700	140	140	-	140		Hoàn thành
28	Trường THCS Cửa Tùng; HM: Nhà vệ sinh (800 học sinh); quét vôi màu nhà 3 tầng 15 phòng học và nhà 2 tầng	4109/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	750	150	150	-	150		Hoàn thành
29	Trường tiểu học Cửa Tùng; HM: Nhà thường trực (điểm trường khu phố Trung Nam); lợp mái nhà 2 phòng học (điểm trường cỡ sớ 2);	4111/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	400	80	80	-	80		Hoàn thành
30	Trường Mầm non Quyết Thắng, thị trấn Bến Quan; HM: Nhà thường trực, nhà vệ sinh, nhà kho, hàng rào dây thép gai	4112/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	600	120	120	-	120		Hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư							
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối						
31	Trường tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Long; Hạng mục: Nhà đa năng	2508/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	5.000	3.162	3.162	2.340	822		Hoàn thành	
32	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Nhà ở dành cho bác sĩ diện thu hút	4052/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	2.817	200	200	-	200		Hoàn thành	
33	Đường trung tâm xã Vĩnh Sơn đi thôn Nam Sơn	2179/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	6.805	31	31	-	31		Hoàn thành	
34	Trường MN Vĩnh Hòa (Điểm trường trung tâm Thôn Hòa Bình); HM: Nhà 2 tầng 8 phòng học	3352/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	6.400	600	600	-	600		Hoàn thành	
35	Trường tiểu học Vĩnh Giang, HM: 6 phòng chức năng	3681/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	4.500	900	900	-	900		Hoàn thành	
36	Trường tiểu học Vĩnh Thái, HM: sân trường, nhà vệ sinh	1655/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	360	360	360	-	360		Hoàn thành	
37	Xây dựng đường nối tỉnh lộ 574 đến khu dân cư Hòa Lý 2, TT cửa rừng	2012/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	2.500	602	602	302	300		Hoàn thành	
38	Nhà Văn hóa trung tâm huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Hệ thống sân vườn và hạng mục phụ trợ	2744/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	14.500	1.174	1.174	1.000	174		Hoàn thành	

[illegible]

HUYỆN GIO LINH

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng										
TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án				Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư							
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối						
	TỔNG CỘNG		139.392	62.431	10.374	8.557	112,034		Đã hoàn thành, phê duyet QTDAHT trước 01/7/2025	
1	Đường bê tông khu phố 3, thị trấn Gio Linh	760/QĐ-UBND ngày 04/03/2025	490	490	0	490				
2	Nhà Văn hóa huyện Gio Linh	3625/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 4499/QĐ-UBND ngày 30/12/2023; 370/QĐ-UBND ngày 06/02/2025	41.921	26.921	5.345,535	11.124,780	5.779,245		Hoàn thành	
3	Đường giao thông từ thị trấn Gio Linh đến các xã phía Nam huyện Gio Linh	1905/QĐ-UBND ngày 12/8/2016; 1818/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	80.761	30.300	2.312,137	4.312,137	2.000		Hoàn thành sau 2025 Dự án tình phê duyệt	
4	Trường mầm non Gio An-Cụm trung tâm ; Hạng mục: Xây mới nhà 01 tầng	1334/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	1.400	150	0	150	150		Hoàn thành	
5	Sửa chữa dây nhà làm việc, sân, bồn hoa điểm trung tâm trường tiểu học Linh Trường	1504/QĐ-UBND ngày 29/5/2023	770	70	0	70	57,203		Đổi ứng CTMTQG; Hoàn thành, chưa QTDAHT	
6	Xây dựng nhà văn hóa thôn Bến Tắt	1422/QĐ-UBND ngày 17/5/2023	1.100	100	0	100	80,552		Đổi ứng CTMTQG; Hoàn thành, chưa QTDAHT	

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư							
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối						
7	Sửa chữa hệ thống mái trụ sở làm việc của HĐND&UBND huyện	4016/QĐ-UBND ngày 30/11/2023; 2646/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	980	980	650	650	650	6,370	Đã hoàn thành, phê duyet QTDHHT trước 01/7/2025	
8	Khu rèn luyện TDTT của HĐND và UBND huyện	4015/QĐ-UBND ngày 30/11/2023; 2606/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	1.050	1.050	790	790	790	34,796	Đã hoàn thành, phê duyet QTDHHT trước 01/7/2025	
9	Cộng đồng phòng tránh thiên tai trường tiểu học thị trấn Cửa Việt, Hạng mục: Nhà học bộ môn	1284/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	4.200	1.200	258,553	258,553	258,553	45,662	Đã hoàn thành, phê duyet QTDHHT	
10	Trường mầm non Gio Mai; hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	5307/QĐ-UBND ngày 28/12/2021; 3238/QĐ-UBND ngày 04/10/2023	5.270	720	720	720	574,648	14,941	Đã hoàn thành, phê duyet QTDHHT trước 01/7/2025	
11	Trường TH & THCS Gio Quang; hạng mục: Xây mới 01 phòng học, 01 phòng học tiếng Anh	4635/QĐ-UBND ngày 18/11/2023; 3238/QĐ-UBND ngày 04/10/2023	1.100	100	100	100	93,264	7,270	Đã hoàn thành, phê duyet QTDHHT trước 01/7/2025	
12	Sửa chữa Trụ sở UBND xã Linh Trường (Nhà Mặt trận và các đoàn thể)	4201/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	350	350	350	350	350	2,995	Đã hoàn thành, chưa phê duyệt QTDHHT	

HUYỆN HẢI LĂNG

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Đơn vị tính: Triệu đồng	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư								
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối							
	TỔNG CỘNG		98.252	13.711	15.569	6.710	8.205	0			
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc cơ quan Huyện ủy	940/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	2.900	2.900	2.900	2.850	47				Đã QT
2	Sửa chữa hội trường huyện ủy	232/QĐ-UBND ngày 24/5/2022	1.150	551	551	510	41				Đã QT
3	Bố trí bổ sung vốn ủy thác cho vay qua Ngân hàng chính sách		1.000	1.000	1.000		1.000				
4	Xây dựng CSHT Khu đô thị phía Tây đường Võ Thị Sáu (giai đoạn 1); hạng mục: Hệ thống cấp nước sinh hoạt và cấp điện	260/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	3.500	140	140		140				
5	Kè chống sạt lở bờ sông Nhùng (đoạn qua xã Hải Thượng, xã Hải Quy và đoạn bờ sông Vĩnh Định (ĐH 49) qua xã Hải Hưng	121/QĐ-UBND ngày 17/5/2022	2.600	139	139		139				
6	Khắc phục xói lở cầu An Lạc và đường hai đầu cầu xã Hải Phú, huyện Hải Lăng	760/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	3.063	264	264		264				
7	BTH đường giao thông nông thôn, thôn Mỹ Thủy, xã Hải An	445/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	4.048	3	3		3				
8	Kênh tiêu thoát nước thôn Thâm Khê, xã Hải Khê	447/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	2.970	2	2		2				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án				Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư							
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối						
9	KCH-GTNT thôn Thâm Khê, xã Hải Khê	448/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.870	3	3			3		
10	Điện thấp sáng đường quê thôn Thâm Khê, xã Hải Khê	449/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.760	3	3			3		
11	Sân thể thao xã Hải Khê	257/QĐ-UBND ngày 04/5/2023	2.527	4	4			4		
12	Trung tâm văn hóa - thể thao, huyện Hải Lăng	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	37.400	4.639	4.639	2.200	2.139			
13	Nâng cấp tuyến đường huyện ĐH49B xây dựng huyện NTM	771/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	2.450	175	175		175			
14	Trường TH&THCS Hải Phú. HM: Phòng chức năng và nhà đa năng	394/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	4.900	200	200		200			
15	Trung tâm GDNN-GDTX; Hạng mục: Phòng học và phòng thực hành	542/QĐ-UBND ngày 08/9/2021	2.000	500	500	200	300			
16	Trường TH&THCS Hải Chánh. HM: Phòng học, phòng chức năng và đa năng	395/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	2.400	200	200	100	100			
17	Nâng cấp các trạm Y tế xã Hải Chánh, Hải Trường, Hải Quý, Hải Quế, Hải Định, huyện Hải Lăng	405/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	6.500	500	500	400	100			
18	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	701/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	1.033	1.033	1.033	200	833			DA dùng thực hiện

[illegible]

HUYỆN TRIỆU PHONG

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
	TỔNG CỘNG		55.527	12.622	12.405	3.890	8.515	390	-
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại thị trấn Ái Tử	3065/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	5.000	3.000	3.000	2.100	900		Hoàn thành GĐ 1
2	Đường Lý Thái Tổ, thị trấn Ái Tử	981/QĐ-UBND; 19/4/2023	10.000	2.000	1.783		1.783		Hoàn thành sau năm 2025
3	Đường ĐH 43B huyện Triệu Phong	2613/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	8.000	288	288	-	288		Hoàn thành
4	Nâng cấp đường ĐH46B (Đoạn từ Đ.T.578b đến chợ Thuận)	2496/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	14.997	528	528	400	128		Hoàn thành
5	Đường ĐH 46C huyện Triệu Phong	số 614Đ-UBND ngày 10/3/2023	5.500	1.558	1.558	1.000	557,7		Hoàn thành
6	Trường mầm non Triệu Long; hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	3410/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	4.500	700	700	-	700		Hoàn thành
7	Hỗ trợ vốn ủy thác qua ngân hàng chính sách		1.000	1.000	1.000		1.000		Hoàn thành
8	Nâng cấp đường Trương Văn Hoàn thị trấn Ái Tử	1387QĐ-UBND ngày 31/3/2025	2.000	858,3	858,298		858,3		Đã quyết toán DAHT
9	Lát Vía hè đường vào Khu lưu niệm Tổng bí thư Lê Duẩn	1589QĐ-UBND ngày 09/4/2025	1.000	1000	1000		1.000		Đã quyết toán DAHT
10	Đường GTNT xã Triệu Cơ	1632QĐ-UBND ngày 14/4/2025	500	500	500		500		Hoàn thành

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

[illegible]

HUYỆN HUỠNG HOÁ

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư					
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối				
	TỔNG CỘNG		143.214	61.345	21.899	11.083	309	
1	Nghĩa trang nhân dân thị trấn Lao Bảo (giai đoạn 1)	1693/QĐ-UBND ngày 12/5/2022; 2211/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	5.959	5.959	2.037	1.900		Hoàn thành năm 2025
2	Nâng cấp, sửa chữa các đình kinh doanh và hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại chợ Khe Sanh	3057/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	1.886	1.886	1.300	1.000	188	Hoàn thành năm 2025
3	Đường vào trụ sở UBND xã Ba Tầng	735/QĐ-UBND 05/3/2024;	2.000	2.000	2.000	126		Hoàn thành năm 2025
4	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Đặng Thai Mai, thị trấn Khe Sanh	1894/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	470	470	470	170		Hoàn thành
5	Sửa chữa cầu khe Pa Răng tại thôn Thuận 1, xã Thuận	5074/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của huyện HH	1.200	1.200	1.200	600		Hoàn thành
6	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Đình Tiên Hoàng, thị trấn Khe Sanh (đoạn từ điểm giao với Quốc lộ 9 đến điểm giao với đường Bùi Dục Tài)	2092/QĐ-UBND ngày 02/5/2024	853	853	853	253		Hoàn thành
7	Nhà văn hóa xã Tân Long	3679/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	2.200	1.215	1.215	500		

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư							
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối						
8	Hệ thống điện chiếu sáng đường trung tâm xã Tân Liên	1439/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	3.325	3.325	800	0	800		Hoàn thành năm 2025	
9	Hệ thống điện chiếu sáng đường trung tâm xã Tân Lập	1440/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	3.168	3.168	843	0	843		hoàn thành	
10	Đường giao thông Kiệt Định Tiên Hoàng - hộ Bà Lài (Khối 3) - TT Khe Sanh	1689/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	700	700	700		700			
11	Đường giao thông Kiệt Trần Cao Vân - hộ Ông Sơn (Khối 4) - TT Khe Sanh	1450/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	1.176	1.176	1.176		700			
12	Đường liên khóm An Hà - Cao Việt, thị trấn Lao Bảo	1042/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	1.000	1.000	1.000		700			
13	Nhà vệ sinh hội trường HUBND và UBND huyện Hướng Hóa	431/QĐ-UBND ngày 18/02/2025	625	625	625	0	35		Dừng thực hiện	
14	Đường liên thôn kết nối Quốc lộ 9, xã Tân Liên, huyện Hướng Hóa	2376/QĐ-UBND ngày 26/7/2023	11.000	1.000	1.000	0	210		Đang thực hiện quyết toán DAHT	
15	Trụ sở làm việc xã Hướng Linh	4212/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	4.936	494	300	0	245		Dừng thực hiện	
16	Trụ sở làm việc xã Hướng Sơn	4215/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	4.936	494	300	0	240		Dừng thực hiện	

[illegible]

HUYỆN ĐAKRÔNG

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối					
	TỔNG CỘNG		63.423	15.671	15.447	5.898	9.478	5.519,972	
1	Trụ sở UBND thị trấn Krông Klang; Hạng mục: Phòng làm việc	1009/QĐ-UBND ngày 22/04/24	3.000	129	200	0	129		Hoàn thành, chưa quyết toán
2	Nhà công vụ huyện Đakrông	1247/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	5.000	500	500	0	500		Hoàn thành, chưa quyết toán
3	Trường THCS Hướng Hiệp; Hạng mục: Khu hiệu bộ	609/QĐ-UBND ngày 25/3/24	3.100	1.100	932	0	932		Hoàn thành
4	Trường Tiểu học số 2 Đakrông; Hạng mục: Khu hiệu bộ	975/QĐ-UBND ngày 12/4/24	3.100	1.100	1.100	0	1.100		Hoàn thành
5	Trường Tiểu học số 1 Đakrông; Hạng mục: Khu hiệu bộ	1954/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	2.900	900	773	0	773		Hoàn thành
6	Nhà thi đấu đa năng huyện Đakrông	994/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	14.000	1.120	1.120	0	1.120		Hoàn thành sau năm 2025
7	Hoàn thiện vỉa hè đường Quốc lộ 9 - Đoạn qua thị trấn Krông Klang	595/QĐ-UBND ngày 01/04/2025	3.000	2.680	2.680	1.000	1.680	1.000	Hoàn thành
8	Nâng cấp đường vào trung tâm xã Ba Nang	596/QĐ-UBND ngày 01/04/2025	4.800	2.327	2.327	2.129	198	2.129	Hoàn thành

Đơn vị tính: Triệu đồng

[illegible]

HUYỆN CAM LỘ

Biểu số I.9

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÈO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

TT		Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
			Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư							
				Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối						
		TỔNG CỘNG		286.678	116.675	18.700	9.708	7.337	-		
1		Trường MN Tuổi Hoa, xã Thanh An	2196/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	11.523	6.023	2.000	1.000	159	-	Hoàn thành, chưa quyết toán	
2		Trường THPT Cam Lộ, Hạng mục: Nhà đá năng và Nhà hiệu bộ	896/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	12.000	2.000	500	0	186	-	Hoàn thành, chưa quyết toán	
3		Đường nối thị trấn Cam Lộ với các vùng trọng điểm kinh tế huyện Cam Lộ	2408/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 1231/QĐ-UBND ngày 20/7/2023	171.187	51.187	5.542	3.000	2.042	-	Hoàn thành sau năm 2025	
4		Trường TH Cam Tuyền, Hạng mục: Nhà đa năng	2642/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	1.948	1.948	1.400	1.150	250	-	Hoàn thành, chưa quyết toán	
5		Hội trường Huyện ủy Cam Lộ	2409/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	14.600	6.600	2.500	1.500	1.000	-	Hoàn thành	
6		Hệ thống nước sạch các thôn Vĩnh An, Nam Hiếu, Vĩnh Đại	2966/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	1.224	1.224	500	-	500	-	Hoàn thành	
7		Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500: Cụm Công nghiệp Cam Hiếu 2, huyện Cam Lộ	2560/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	1.203	700	200	-	200	-	Hoàn thành	
8		Đường vào khu di tích quốc gia Thành Tân Sở	1113/QĐ-UBND ngày 06/7/2023	31.000	21.000	1.000	-	1.000	-	Hoàn thành sau năm 2025	

Đơn vị tính: Triệu đồng

[illegible]

HUYỆN ĐẢO CÔN CỎ

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2024 KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ PHÂN CẤP CẤP HUYỆN QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch 2021-2025 đã giao	Lũy kế vốn 2021-2024 đã bố trí	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2024 kéo dài sang 2025	Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm, ban hành	Tổng mức đầu tư							
			Tổng số	Trong đó: cấp huyện cân đối						
	TỔNG CỘNG		8.383	7.873	7.873	4.201	3.672			
1	Dự án Sửa chữa, nâng cấp sân vườn, hàng rào Nhà Tưởng niệm Hồ Chí Minh	35/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	2.510	2.000	2.000		2.000			Hoàn thành năm 2025
2	Dự án Nhà Truyền thống huyện đảo Cồn Cỏ (giai đoạn 2)	108/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	5.873	5.873	5.873	4.201	1.672			Hoàn thành năm 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

Biểu số II

TỔNG HỢP VỐN SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

DVT: triệu đồng									
TT	Đơn vị/cấp quản lý	KH2021-2025 được HĐND tỉnh giao	Thu sử dụng đất thực tế						So sánh tổng kế hoạch vốn thực tế hàng năm với KH trung hạn HĐND tỉnh giao
			Tổng số	Trong đó					
				2021	2022	2023	2024	2025 (Kế hoạch vốn)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10 = 4-3
	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	2.100.000	3.593.149,48	933.994,95	794.857,33	256.716,65	714.615,39	892.965,16	1.493.149,48
1	Thành phố Đông Hà	750.000	1.290.693,60	265.328,60	204.536,00	85.098,00	398.776,00	336.955,00	540.693,6
2	TX Quảng Trị	100.000	194.245,70	67.075,70	31.470,00	11.281,00	40.419,00	44.000,00	94.245,7
3	Vĩnh Linh	385.000	719.008,42	179.989,28	164.150,73	42.318,24	118.220,49	214.329,68	334.008,4
4	Hướng Hóa	75.000	77.275,48	24.797,96	13.852,37	6.667,18	6.957,97	25.000,00	2.275,5
5	Gio Linh	125.000	216.616,43	58.697,48	60.864,71	31.449,11	38.335,43	27.269,70	91.616,4
6	Đakrông	40.000	44.887,33	21.119,09	6.598,84	6.434,51	5.734,89	5.000,00	4.887,3
7	Cam Lộ	200.000	466.240,30	172.682,30	113.664,00	26.886,00	53.008,00	100.000,00	266.240,3
8	Triệu Phong	125.000	148.268,84	54.401,16	27.973,50	18.501,14	16.982,25	30.410,78	23.268,8
9	Hải Lăng	300.000	435.913,37	89.903,37	171.747,18	28.081,46	36.181,36	110.000,00	135.913,4

ĐVT: triệu đồng

Biểu số II.1

THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ VỐN KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN CẤP DO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ TỪ THỦ SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu giá đất cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu giá đất cấp huyện	Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó:Đầu giá đất cấp huyện 2021-2024			
	TỔNG CỘNG	3.565.757	1.970.015	2.135.633	1.436.220	1.356.891	938.051	336.955	0	
A	Đo đạc địa chính (10%)			16.657	16.657	9.907	9.907	6.750		
B	Bổ sung quỹ phát triển đất của tỉnh (5%)			65.589	65.589	60.954	60.954	4.635		
C	Các dự án đầu tư (85%)	3.565.757	1.970.015	2.053.387	1.353.974	1.286.030	867.190	325.570	0	
I	Dự án hoàn thành đã quyết toán	407.014	356.260	299.558	255.420	298.477	231.203	1.500	0	
1	Kiệt 182 đường Lý Thường Kiệt, Phường 5	1.448	1.448	900	900	1.421	1.421	0	0	
2	Via hè đường Nguyễn Chí Thanh	5.596	5.596	2.593	2.593	1.800	1.800	0	0	
3	Via hè đường Tôn Thất Thuyết (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Nguyễn Du)	6.409	6.409	3.409	3.409	3.409	3.409	0	0	
4	Hệ thống thoát nước, via hè đường Trương Hán Siêu	1.121	1.121	1.121	121	1.121	1.121	0	0	
5	Via hè đường Trường Chinh (từ đường Hàm Nghi đến đường Hùng Vương)	2.297	2.297	1.297	897	897	897	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu giá đất cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu giá đất cấp huyện	Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện 2021-2024			
6	Xử lý sạt lở khẩn cấp bờ sông Hiếu thuộc địa bàn phường Đông Giang	4.866	1.866	4.866	1.866	4.839	1.839	0	0	
7	Nhà 2 tầng 6 phòng học Trường MN Hướng Dương và công, tường rào	6.129	6.129	3.312	3.312	3.312	3.312	0	0	
8	Xây dựng bia di tích cầu sắt xóm dò và địa điểm tổ chức lễ thả hoa	2.767	2.767	1.767	1.767	1.200	1.200	0	0	
9	Nhà 2 tầng 6 phòng học Trường MN Hương Sen	5.404	5.404	1.404	1.404	1.404	1.404	0	0	
10	Xây mới Trường THCS Nguyễn Trãi	25.000	20.000	4.000	4.000	24.333	4.000	0	0	
11	Xây dựng Trụ sở làm việc UBND Phường 2	13.490	13.490	1.000	1.000	1.000	1.000	0	0	
12	Nhà 2 tầng 6 phòng học Trường Tiểu học Hòa Bình	5.162	5.162	1.161	1.161	1.161	1.161	0	0	
13	Xây dựng CSHT phục vụ sản xuất và đời các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm trong khu dân cư trên địa bàn thành phố	5.322	5.322	2.322	2.322	2.322	2.322	0	0	
14	Xây dựng CSHT Khu dân cư Đặng Dung (giai đoạn 4)	20.521	20.521	6.000	6.000	6.000	6.000	0	0	
15	Nhà 2 tầng 06 phòng học Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phường 3	4.755	4.755	1.655	1.655	1.655	1.655	0	0	
16	Hệ thống thoát nước tiêu úng cho vùng sản xuất lúa phía Tây đường sắt Bắc Nam thuộc Khu phố 3, phường Đông Thanh	3.701	3.701	3.701	3.701	3.370	3.370	0	0	
17	Xây dựng CSHT khu dân cư đường Thanh Niên (giai đoạn 2)	14.998	14.998	3.698	3.698	3.698	3.698	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu giá đất cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu giá đất cấp huyện	Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện 2021-2024			
18	Nâng cấp, sửa chữa đường Nguyễn Biểu	2.957	2.957	2.957	2.957	1.996	1.996	0	0	
19	Trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự Phường 5	1.200	1.200	1.200	1.200	1.120	1.120	0	0	
20	Kê sông Hiếu qua đoạn phường Đông Giang	5.000	0	5.000	0	4.847	0	0	0	
21	Nhà đa năng và hàng rào phía sau Trường THCS Hiếu Giang	4.050	4.050	3.965	3.965	3.872	3.872	0	0	
22	Đường Đình Tiên Hoàng (đoạn cuối tuyến)	2.930	2.930	2.323	2.323	2.148	2.148	0	0	
23	Xây mới 06 phòng học, hàng rào phía sau và hạng mục PCCC Trường Tiểu học Đồng Thanh	6.250	6.250	6.139	6.139	6.092	6.092	0	0	
24	Via hè, thoát nước đường Phan Huy Chú	4.000	4.000	4.000	4.000	3.938	3.938	0	0	
25	Xây dựng 02 sân Tennis tại Trung tâm VH-TT-TDTT thành phố	4.000	4.000	4.000	4.000	3.868	3.868	0	0	
26	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự Phường 3	1.200	1.200	1.200	1.200	1.119	1.119	0	0	
27	Trang trí đèn Led trên cột đèn chiếu sáng tuyến đường Hùng Vương (đoạn từ ngã tư Hùng Vương - Điện Biên Phủ đến cầu Vĩnh Phước)	1.100	400	1.100	400	1.003	303	0	0	
28	Trang trí tổng hợp cụm đèn Led trên vỉa hè trước công viên Fidel	1.000	400	1.000	400	934	334	0	0	
29	Trang trí công chào đèn Led ngang đường Thanh Niên	850	350	850	350	843	343	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu giá đất cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu giá đất cấp huyện	Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện 2021-2024			
30	Trang trí công chào đèn Led ngang đường Hoàng Diệu	950	450	950	450	950	450	0	0	
31	Xây mới 4 phòng học bộ môn và nhà đa năng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phường 3	8.100	8.100	7.828	7.828	7.577	7.577	0	0	
32	Điện chiếu sáng đường nối từ đường Lê Thế Tiết đến đường Hàn Thuyên	1.674	1.674	1.674	200	1.022	200	0	0	
33	Sửa chữa, nâng cấp cụm trang trí điện từ tuyên truyền ngã tư Hùng Vương - Lý Thường Kiệt	2.700	2.700	2.700	2.700	2.535	2.535	0	0	
34	Trang trí đèn Led trên cột điện chiếu sáng tuyến đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ QL1A đến đường Khốa Bảo)	1.700	1.000	1.700	1.000	1.621	921	0	0	
35	Khu thiết chế Văn hóa và Thể thao Phường 1	7.000	7.000	6.694	6.694	6.694	6.694	0	0	
36	Kê bờ sông Hiếu đoạn qua Phường 4, thành phố Đông Hà	4.000	0	4.000	0	3.659	0	0	0	
37	Nhà phòng chống lụt bão Khu phố 1, phường 4	5.000	5.000	5.000	5.000	3.744	3.744	0	0	
38	Hoàn thiện CSHT các lô đất lẻ nằm xen kẽ trong khu dân cư để khai thác, sử dụng	2.230	2.230	2.230	2.230	1.106	1.106	0	0	
39	Tạo mặt bằng sạch tại thửa đất số 383 (154a) tờ bản đồ số 30 của bà Lê Thị Cúc tại khu phố 2, phường Đồng Lễ để giao cho nhà ga Đông Hà quản lý	2.200	0	2.200	0	2.084	0	0	0	
40	Công và tường rào mặt trước Trường THCS Nguyễn Trãi	1.600	1.600	1.600	1.600	1.513	1.513	0	0	
41	Nâng cấp, sửa chữa các Nhà văn hóa xuống cấp trên địa bàn thành phố	7.000	7.000	7.000	7.000	6.664	6.664	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu giá đất cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu giá đất cấp huyện	Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện 2021-2024			
42	Xây dựng mới Trường THCS Nguyễn Trãi (giai đoạn 2)	30.000	19.000	30.000	19.000	27.600	16.252	0	0	
43	Xây dựng CSHT khu dân cư hai bên đường Hàn Thuyên (giai đoạn 2)	20.988	20.988	13.606	13.606	13.606	13.606	0	0	
44	Xây dựng mới 03 phòng học Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	2.557	2.557	2.557	2.557	2.418	2.418	0	0	
45	Trường Tiểu học Hàm Nghi, thành phố Đông Hà - Hạng mục: Nhà Hiệu bộ	4.304	0	4.304	0	4.304	0	0	0	
46	Thoát nước khu dân cư và nâng cấp đường Phạm Hồng Thái	5.718	5.718	5.718	5.718	5.173	5.173	0	0	
47	Xây dựng CSHT phục vụ sản xuất và di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm trong khu dân cư trên địa bàn thành phố	5.322	5.322	2.322	2.322	2.322	2.322	0	0	
48	Sân thể dục và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	1.178	278	1.178	278	1.140	240	0	0	
49	Đường Kẹt 251 Lý Thường Kiệt	1.000	1.000	1.000	1.000	924	924	0	0	
50	Nâng cấp đường Lý Nam Đế	4.049	4.049	4.049	4.049	3.848	3.848	0	0	
51	Vườn hoa mini tại khu vực Chợ Phường 3 (cũ)	2.393	2.393	2.393	2.393	2.214	2.214	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu giá đất cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu giá đất cấp huyện	Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện 2021-2024			
52	Xử lý các điểm ngập úng cục bộ trên địa bàn thành phố (đường Đoàn Khuê, khu phố 4 – phường Đông Lễ; khu phố 1, phường Đông Lương và Kiệt 154 đường Lê Lợi)	3.449	3.449	3.449	3.449	2.913	2.913	0	0	
53	Xây dựng CSHT Khu dân cư đường Thanh Niên (giai đoạn 3)	32.000	32.000	32.000	32.000	24.383	24.383	0	0	
54	Via hè và hệ thống thoát nước đường Trần Cao Vân, thành phố Đông Hà	11.922	1.922	6.609	1.100	6.109	600	0	0	
55	Xây dựng mới 08 phòng học Trường tiểu học Võ Thị Sáu	6.606	6.606	6.606	6.606	5.962	5.962	0	0	
56	Đường giao thông dọc Kênh N04, phường Đông Thanh	2.500	2.500	2.500	2.500	2.445	2.445	0	0	
57	Sửa chữa trụ sở Công an thành phố	3.800	3.800	3.800	3.800	3.547	3.547	0	0	
58	Các công trình quân sự trong khu vực phòng thủ	8.420	8.420	8.420	8.420	7.987	7.987	0	0	
59	Nhà đa năng trường THCS Trần Hưng Đạo	4.600	4.600	4.600	4.600	3.900	3.900	0	0,0	
60	Hệ thống cây xanh và đèn trang trí tại Bia di tích Cầu sắt xóm đỏ và địa điểm tổ chức lễ thả hoa phường Đông Thanh	691	341	691	341	691	341	0	0,0	
61	Sửa chữa, nâng cấp Công viên Lê Duẩn	3.300	1.300	3.300	1.300	3.168	1.280	0	0,0	
62	Trồng cây xanh các Khu dân cư mới	6.110	6.110	6.110	6.110	5.819	5.819	0	0,0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu giá đất cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu giá đất cấp huyện	Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện 2021-2024			
63	Xây dựng các vườn hoa mini trên địa bàn thành phố Đông Hà	7.572	7.572	1.972	1.972	7.202	1.972	0	0,0	
1	Hạ tầng thực hiện Đề án xây dựng đô thị thông minh thành phố Đông Hà giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030	14.826	14.826	14.826	14.826	11.886	11.886	1.500	0,0	
65	Đầu tư nâng cấp hạ tầng, xử lý các điểm ngập úng cục bộ trên địa bàn thành phố	14.133	14.133	14.133	14.133	13.192	13.192	0	0	
66	Sửa chữa, nâng cấp đường nối từ đường Lê Thánh Tông đến đường Nguyễn Phúc Nguyên, Phường 5	1.900	1.900	1.900	1.900	1.833	1.833	0	0	
II	Dự án đã hoàn thành chưa quyết toán	648.519	558.781	443.215	429.715	429.710	296.975	80.920	0	
1	Kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp QL 9D (giai đoạn 1)	50.856	35.856	10.000	10.000	40.580	10.000	0	0	
2	Đường Lai Phước- Tân Vĩnh	24.008	7.202	0	0	24.008	0	0	0	
3	Đường Lê Lợi kéo dài và XDCHT KDC 2 bên tuyến	69.378	22.146	6.766	6.766	69.378	6.766	0	0	
4	Xây dựng CSHT Khu dân cư phía Đông Kênh N2	37.883	37.883	37.883	37.883	34.090	34.090	0	0	
5	Xây dựng CSHT khu Tái định cư Phường 3	18.598	18.598	18.598	18.598	15.232	15.232	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu giá đất cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu giá đất cấp huyện	Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện 2021-2024			
6	Xây mới nhà hiệu bộ trường mầm non Đông Giang	3.911	1.711	3.911	1.711	3.590	1.390	0	0	
7	Xây mới 12 phòng học Trường THCS Nguyễn Huệ	11.985	7.485	11.985	7.485	11.446	6.946	0	0	
8	Xây mới nhà đa năng Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Đông Hà	5.519	1.519	5.519	1.519	2.500	0	1.200	0	
9	Trung tâm hành chính thành phố Đông Hà	227.000	227.000	227.000	227.000	127.198	120.863	65.000	0	
10	Khu thiết chế Văn hóa và Thể thao Phường 1 (Giai đoạn 2)	3.135	3.135	3.135	3.135	1.500	1.500	1.000	0	
11	Nhà đa năng Trường tiểu học Hàm Nghi	5.579	5.579	5.579	2.779	2.779	2.779	2.800	0	
12	Xây dựng CSHT KDC phía Tây đường Khóa Bảo (giai đoạn 2)	24.998	24.998	17.893	17.893	17.893	17.893	0	0	
13	XD CSHT khu dân cư khu phố Tây Trì, Phường 1	43.177	43.177	19.739	19.739	19.739	19.739	0	0	
14	Kè chống sạt lở tại khu vực phía Đông đường Đông Kinh Nghĩa Thục, Khu phố 3, Phường 4	5.500	5.500	5.500	5.500	2.986	2.986	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu giá đất cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu giá đất cấp huyện	Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện 2021-2024			
15	Đầu tư, nâng cấp điện chiếu sáng một số tuyến đường trên địa bàn thành phố	1.450	1.450	1.450	1.450	0	0	1.000		
16	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân thành phố tại Phường 4 (giai đoạn 1)	11.390	11.390	11.390	11.390	5.923	5.923	3.000	0	
17	Hệ thống đèn chiếu sáng và trang trí điện tử	9.403	9.403	9.403	9.403	6.575	6.575	0	0	
18	Xây dựng vỉa hè và hệ thống thoát nước đường Chi Lăng	2.600	2.600	2.600	2.600	1.900	1.900	680	0	
19	Nâng cấp đường Nguyễn Huy Tường, Phường 4	1.975	1.975	1.975	1.975	0	0	1.970	0	
20	Xây dựng CSHT mở rộng Khu dân cư đường Thanh Niên	35.949	35.949	24.063	24.063	24.063	24.063	2.270	0	
21	Hoàn thiện CSHT khu dân cư khu phố 5, phường Đông Thanh	5.542	5.542	2.504	2.504	3.360	3.360	0	0	
22	Xây dựng CSHT khu dân cư Đồng Soi (giai đoạn 2)	19.358	19.358	10.283	10.283	9.983	9.983	300	0	
23	Xây dựng CSHT khu dân cư Đồng Soi	21.010	21.010	1.224	1.224	824	824	400	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu giá đất cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu giá đất cấp huyện	Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện 2021-2024			
24	Các lô đất lẻ trong khu dân cư	2.152	2.152	2.152	2.152	1.500	1.500	500	0	
25	Xây dựng CSHT khu đất lẻ khu phố 5, phường Đông Thanh	6.163	6.163	2.663	2.663	2.663	2.663	800	0	
III	Dự án hoàn thành năm 2025	378.733	262.733	316.932	200.932	200.800	142.969	41.170	0	
1	Đầu tư, nâng cấp các trạm y tế trên địa bàn thành phố Đông Hà (Phường 2, Phường 4, phường Đông Giang, phường Đông Thanh)	12.000	4.000	12.000	4.000	6.300	0	2.000	0	
2	Đường Nguyễn Trãi nối dài (đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng)	44.000	27.000	44.000	27.000	34.396	22.696	1.000	0	
3	Hệ thống thoát nước khu vực trường THCS Phan Đình Phùng và Khu phố 2, phường 5	56.200	36.200	56.200	36.200	27.479	24.648	5.000	0	
4	Via hè và hệ thống thoát nước đường Lý Thường Kiệt, thành phố Đông Hà	23.050	5.050	23.050	5.050	21.750	3.750	1.200	0	
5	Via hè và hệ thống thoát nước đường Lê Lợi TP Đông Hà	24.500	8.500	24.500	8.500	8.466	6.966	1.500	0	
6	Nâng cấp Đường Đinh Tiên Hoàng (đoạn từ Tạ Quang Bửu đến Trần Nhật Duật)	14.999	14.999	11.186	11.186	8.216	8.216	2.970	0	
7	Đường nói Điện Biên Phủ đến đường Nguyễn Hữu Khiếu	3.640	3.640	1.864	1.864	1.776	1.776	1.000	0	